

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Thông tin chung về chương trình.....	2
1.2. Mục tiêu đào tạo	2
<i>1.2.1. Mục tiêu chung:.....</i>	<i>2</i>
<i>1.2.2 Mục tiêu cụ thể:</i>	<i>2</i>
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh.....	3
1.4. Hình thức đào tạo:.....	3
1.5. Điều kiện tốt nghiệp.....	3
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	4
2. Chuẩn đầu ra	4
2.1.Kiến thức	4
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm.....	5
PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	6
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	7
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	7
4.2. Chương trình đào tạo	7
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra .	37
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ.....	45
4.5. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	50
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	61
<i>4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>61</i>
<i>4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình.....</i>	<i>71</i>
4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình	73

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Ngôn Ngữ Anh**
 - Tiếng Anh: **English Studies**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Ngôn Ngữ Anh**
- Mã số: **7220201**
- Thời gian đào tạo: **4 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Arts in English studies**
- Thời gian ban hành chương trình: **Năm 2020**
- Kiểm định chương trình: Chưa

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Đại học ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo sinh viên sau khi ra trường có phẩm chất chính trị vững vàng, có lập trường chính trị kiên định, có kiến thức, kỹ năng, thái độ và đạo đức phù hợp, thích nghi để làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa đồng thời có khả năng thích ứng cao với những thay đổi nhanh của nền kinh tế hiện nay hội nhập khu vực và quốc tế.

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có năng lực chuyên môn tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ đi theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu), có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực được đào tạo. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành ngôn ngữ Anh đạt được các mục tiêu sau:

MT1. Hiểu biết chính trị và pháp luật tốt, có kiến thức cơ sở về công nghệ thông

tin, nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2. Hiểu biết cơ bản về văn học, văn hóa, văn minh của các nước nói tiếng Anh, về lịch sử, văn hóa các nước Asean và kiến thức nền tảng vững vàng về ngôn ngữ học.

MT3. Giao tiếp thông thạo bằng tiếng Anh trong các tình huống xã hội.

MT4. Có được các kỹ năng cơ bản về biên phiên dịch trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về tài nguyên - môi trường.

MT5. Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH, đối chiếu ngôn ngữ, có khả năng tự học và tự nghiên cứu để có thể vươn lên những bậc học cao hơn

MT6. Có khả năng sử dụng được một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản và đọc, dịch tài liệu.

MT7. Nắm vững một số kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, khả năng tư duy phản biện, thu thập thông tin, vv., và đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.

MT8. Có khả năng thích ứng được với các môi trường làm việc đa dạng như thương mại, du lịch, văn phòng, sản xuất, nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.4. Hình thức đào tạo:

Thực hiện đào tạo theo Quy chế tín chỉ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ban hành

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

KT1. Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng để áp dụng vào quá trình thực hành nghề nghiệp.

KT2. Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội phù hợp với ngành đào tạo, biết cách sử dụng các phần mềm tin học văn phòng.

KT3. Có khả năng phát âm tiếng Anh tương đối rõ ràng và chính xác, có kiến thức cơ bản và nâng cao về ngữ pháp tiếng Anh, thực hiện được một kế hoạch nghiên cứu khoa học về giáo dục hoặc ngôn ngữ Anh.

KT4. Hiểu và ứng dụng ngôn ngữ Anh trong giao tiếp theo ngữ cảnh hiệu quả, có kiến thức cơ bản về ngữ âm, âm vị học, hình thái học, ngữ nghĩa học, diễn ngôn tiếng Anh. Nắm vững các kiến thức về thuật ngữ để phân tích văn chương viết bằng tiếng Anh một cách cơ bản

KT5. Có kiến thức về địa lí, chính trị, lịch sử, nền giáo dục, người dân, những lễ hội truyền thống và một số nét văn hóa đặc trưng của nước Mỹ, Vương quốc Anh, văn hóa các nước ASEAN

KT6. Có kiến thức và năng lực thực hành một ngoại ngữ thứ 2 như Pháp, Nhật, Hàn hoặc Trung ở trình độ sơ cấp và tiền trung cấp.

KT7. Phát triển và ứng dụng kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết tiếng Anh giao tiếp trình độ tiền trung cấp đến cao cấp.

KT8. Phát triển và thực hành các kỹ năng và chiến thuật dịch thuật (Anh - Việt, Việt - Anh) trình độ trung cấp đến nâng cao.

KT9. Phát triển kỹ năng sử dụng và ứng dụng tiếng Anh giao tiếp trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về ngành tài nguyên - môi trường trình độ trung cấp đến nâng cao.

KT10. Có khả năng đọc hiểu và phân tích các tác phẩm văn học Anh và Mỹ trình độ cơ bản tới nâng cao.

KT11. Có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác, sáng tạo trong giải quyết vấn đề, vận dụng linh hoạt và phù hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích và xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc.

2.2. Kỹ năng

KN1. Theo dõi và hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh.

KN2. Theo dõi và hiểu được các cuộc trò chuyện sôi nổi, những tranh luận hay lập luận mang tính trừu tượng giữa những người bản ngữ.

KN3. Có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

KN4. Có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn. Có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo.

KN5. Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.

KN6. Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

KN7. Có khả năng biên dịch các loại văn bản, bài tạp chí, bài báo, truyện, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh.

KN8. Vận dụng linh hoạt các kỹ thuật phiên dịch, đảm bảo dịch đúng và đủ nội dung cần phiên dịch.

KN9. Hiểu và ứng dụng cách viết văn bản, dịch thuật đơn thư và thư từ giao dịch thương mại bằng tiếng Anh.

KN10. Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình đáp ứng được yêu cầu và nâng cao chất lượng công việc.

KN11. Hiểu và ứng dụng các nguồn lực, công nghệ và phương tiện để nâng cao hiệu quả công việc.

KN12. Nhận ra nhu cầu tự phát triển nghề nghiệp, tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả của công việc.

KN13. Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới, kỹ năng tư duy phản biện.

2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

NL1. Có năng lực làm việc độc lập, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phối hợp, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn để hoàn thành công việc đúng thời gian, hiệu quả trong quá trình làm việc theo nhóm.

NL2. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

NL3. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác;

NL4. Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

NL5. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp;

NL6. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO							
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8
Kiến thức	KT1	x							
	KT2	x							
	KT3		x	x					
	KT4			x	x				
	KT5		x			x			
	KT6								
	KT7			x	x				
	KT8				x			x	
	KT9					x			x
	KT10					x			x
	KT11							x	
Kỹ năng	KN1			x	x				
	KN2			x	x				
	KN3			x	x				
	KN4			x	x				
	KN5			x	x				
	KN6			x	x				
	KN7					x			x
	KN8					x			x
	KN9					x			x
	KN10								x
	KN11					x			
	KN12								x
	KN13								x
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL1					x			
	NL2				x				
	NL3							x	
	NL4								x
	NL5								x
	NL6							x	x

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	31
+ <i>Bắt buộc:</i>	(29)
+ <i>Tự chọn:</i>	(02)
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	90
• Kiến thức cơ sở ngành	10
• Kiến thức ngành	80
+ <i>Bắt buộc:</i>	(77)
+ <i>Tự chọn:</i>	(3)
- Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - *LT* : *Lý thuyết;*

- *TL, TH, TT*: *Thảo luận, thực hành, thực tập.*

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					<i>LT</i>	<i>TL, TH, TT</i>	<i>Tự học</i>	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương			31				
I.1	Lý luận chính trị			11				
1	Triết học Mác-Lênin	LCML2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	3	30	15	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
2	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	LCML2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và phân tích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.	2	20	10	60	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	2	21	09	60	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975	2	21	09	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.					
I.2	Khoa học xã hội			9/13				
I.2.1	Bắt buộc			7				
6	Kỹ năng mềm	KTQU2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.	2	18	12	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NNTA2106	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học. Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài. Viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.	3	25	20	90	
8	Pháp luật đại cương	LTPL2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích và so sánh những kiến thức và vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung. Ngoài ra, có thể tìm kiếm, tra cứu các văn bản và các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.	2	20	10	60	
I.2.2	Tự chọn			2/6				
9	Phương pháp	NNTA2201	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu	2	6	24	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	thuyết trình		được cấu trúc của một bài thuyết trình. Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng và kiến thức về cấu trúc câu sử dụng cho bài thuyết trình. Giải thích được mô hình giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Xác định được các yếu tố tạo nên một bài thuyết trình hiệu quả.					
10	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	NNTA2202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các quá trình phỏng vấn, những điều lưu ý để buổi phỏng vấn mang lại kết quả tốt, những thủ thuật trả lời phỏng vấn. Có thể sử dụng những cấu trúc, từ vựng tiếng Anh trong quá trình phỏng vấn. Vận dụng thực hành ngôn ngữ một cách tự nhiên, chuẩn xác trong các cuộc phỏng vấn.	2	10	20	60	
11	Kỹ năng tư duy phản biện	NNTA2203	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng và phân tích một cách rõ ràng, minh	2	16	14	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			bạch để phản biện, giải quyết vấn đề hợp lý, sáng tạo. Xác định vấn đề đưa ra công bằng để tranh luận, bày tỏ quan điểm với người khác. Phát triển các khả năng nhận diện vấn đề; phân tích, đánh giá thông tin một cách rõ ràng, minh bạch, khách quan. Thực hiện khả năng phản biện trong điều kiện văn hóa xã hội Việt Nam.					
I.3	Ngoại ngữ			9				
12	Tiếng Trung 1	NNTT 2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung để đọc một đoạn văn bản ngắn từ 80-100 từ.. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng trung và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung. Sử dụng các kiến thức đã học vào thực tế, giao tiếp	3	28	17	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			với người nước ngoài bằng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.					
13	Tiếng Trung 2	NNTT 2102	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội, thể giới ví dụ: kinh doanh, du lịch, thời trang, nghệ thuật, điện ảnh, giải trí.... Đặc biệt sinh viên phải nắm chắc các thì và các thức của động từ để sử dụng linh hoạt trong ngôn ngữ giao tiếp của mình. Có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung ở trình độ sơ cấp.	3	28	17	90	
14	Tiếng Trung 3	NNTT 2103	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội. Đặc biệt các kiến thức ngữ pháp về câu đơn,	3	28	17	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			câu ghép và các thức, thì trong tiếng Trung ở mức độ cao hơn và phức tạp hơn. Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó bằng văn bản nói hay viết.					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học			2				
15	Tin học đại cương	CTKH2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nêu các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet.	2	19	11	60	
I.5	Giáo dục thể chất	GDTC	Bao gồm 5 học phần bắt buộc và phần tự chọn: - Phần bắt buộc (3 tín chỉ): Thể dục Điền kinh 1 và Điền kinh 2.	5				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			- Phân tự chọn: Sinh viên chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền 1, Bóng chuyền 2; Cầu lông 1, Cầu lông 2; Bơi lội 1, Bơi lội 2; Bóng rổ 1, Bóng rổ 2.					
I.6	Giáo dục quốc phòng-an ninh	GDQP	Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	8				
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
II.1	Kiến thức cơ sở ngành			10				
II.1.1	Bắt buộc			8				
16	Tiếng Việt thực hành	NNTA2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể sử dụng từ ngữ, đặt câu, tạo lập và tiếp thu văn bản; nêu những lỗi sử dụng tiếng Việt thường mắc, thường gặp, và cách khắc phục những lỗi đó. Có khả năng phát hiện và sửa chữa các lỗi sử dụng tiếng Việt; làm việc	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			theo nhóm, tự học và tự nghiên cứu.					
17	Dẫn luận ngôn ngữ	NNTA2302	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên miêu tả được từng âm vị trong tiếng Anh, một số các biến thể âm vị; xác định được cấu trúc của âm tiết; miêu tả được bản chất của trọng âm trong tiếng Anh. Phân biệt được các loại nghĩa của từ vựng, mối liên hệ nghĩa của các đơn vị từ vựng và áp dụng được kiến thức về hình thái học để cấu tạo từ trong khi sử dụng tiếng Anh. Phân tích được cấu trúc câu trong tiếng Anh, áp dụng trong viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp.	2	20	10	60	
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA2303	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xác định được khách thể, đối tượng, mục đích nghiên cứu. Phân biệt phạm vi đối tượng cho các loại nghiên cứu với mục đích lý luận và	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thực tiễn cụ thể. Thực hành thao tác đối chiếu định hướng xác định để thu kết quả mong muốn, thiết thực.					
II.1.2	<i>Tự chọn</i>			2/4				
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCML2208	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Có khả năng tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu văn hóa Việt Nam; khả năng nhận thức và ứng xử văn hóa trong cuộc sống, lao động và học tập.	2	20	10	60	
20	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA2401	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập Hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức	2	9	21	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			ASEAN. Nêu thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của đất nước. Vận dụng được các kiến thức đã có về các nước ASEAN và năng lực tiếng Anh vào các công việc liên quan đến du lịch, văn hóa, cũng như nghề nghiệp sau này.					
II.2	Kiến thức ngành			80				
II.2.1	Bắt buộc			77				
21	Đọc - Viết 1	NNTA2501	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo bằng tiếng Anh. Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu, trình bày được những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc, cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày; trình bày được các bài đọc	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			ngắn, đơn giản sử dụng những từ vựng xuất hiện với tần suất cao. Viết thư cá nhân, email đơn giản; viết các tin nhắn đơn giản; viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng những từ nói.					
22	Nghe – Nói 1	NNTA2502	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được cách phát âm đúng hệ thống phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh; hiểu biết về trọng âm trong các từ đa âm tiết và về ngữ điệu; nghe được những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày; giao tiếp một cách tương đối dễ dàng trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi, có thể cần đến sự giúp đỡ của người khác.	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
23	Đọc - Viết 2	NNTA2503	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xử lý được phần lớn các tình huống xảy ra khi đến khu vực, đất nước có sử dụng tiếng Anh; viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Đọc hiểu các bài khóa đơn giản về các đề tài yêu thích hoặc liên quan đến chuyên môn; đọc lướt các văn bản dài để xác định thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản hay từ nhiều văn bản khác nhau. Viết được bài miêu tả chi tiết về đề tài yêu thích, viết tường thuật về những trải nghiệm, miêu tả sự kiện.	4	20	40	120	
24	Nghe – Nói 2	NNTA2504	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích được các kiến thức cơ bản về ngữ điệu, trọng âm, âm mạnh và yếu của các từ thông dụng; giới thiệu	4	20	40	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			được những nét đẹp chính của quê hương, đất nước Việt Nam, khu danh thắng, sự hiếu khách của người dân. Nghe và xác định được cả thông điệp chính lẫn ý chi tiết, miễn là ngôn bản phải được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng quen thuộc; duy trì hợp lý và trôi chảy những bài miêu tả đơn giản về nhiều kiểu đề tài, giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hay không thường ngày có liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân.					
25	Đọc - Viết 3	NNTA2505	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn. Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu.	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			Viết được một thông báo, thư mời, thư quảng cáo, CV...Đọc và tìm ra ý chính của nhiều dạng văn bản khác nhau như thư từ, quảng cáo, thông báo, sách hướng dẫn. Viết được thư, email, hướng dẫn hay ghi chú cá nhân, viết được bài báo cáo về một sự kiện.					
26	Nghe – Nói 3	NNTA2506	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích được tương đối chính xác các ý chính trong các bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng phức tạp; nghe được một cách cơ bản các chương trình tài liệu trên đài phát thanh và truyền hình, các văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật; kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ tương đối trôi chảy, chính xác; trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau, sử dụng tương đối chính xác từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.					
27	Đọc - Viết 4	NNTA2507	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn một cách rõ ràng và đúng quy định. Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu để nói cũng như viết các văn bản chính thống. Đọc	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			và tìm ra ý chính của nhiều dạng văn bản khác nhau; viết được thư, email, hướng dẫn hay ghi chú cá nhân, viết được bài báo cáo về một sự kiện, viết câu và đoạn theo văn phong của một bài báo cáo/ nghiên cứu khoa học.					
28	Nghe – Nói 4	NNTA2508	Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			trong giao tiếp liên văn hoá.					
29	Đọc - Viết 5	NNTA2509	Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể vận dụng ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), chủ yếu tập trung vào các kỹ năng đọc hiểu và viết các loại bài luận ở trình độ cao cấp với những chủ đề: mua sắm, sức khỏe, đọc sách và kỹ năng đọc sách, du lịch, học ngoại ngữ, nghiên cứu, công việc, du lịch, giải trí. Có thể nêu và vận dụng các kỹ năng đọc hiểu như đoán dựa trên tiêu đề, chủ đề, xác định từ khóa để hiểu ý chính, hàm ý, các chi tiết trong các đoạn văn, các báo cáo, các bài báo trên tạp chí ... Bên cạnh việc đọc phân tích học phần giúp sinh viên diễn đạt ý kiến qua các bài luận, phát triển ý tưởng theo cách	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			đưa ý kiến tranh luận, bình luận, so sánh, đối chứng.					
30	Nghe – Nói 5	NNTA2510	Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể tự tin giao tiếp với người bản xứ, viết các văn bản sử dụng văn phong trang trọng; nghe và báo cáo lại các nội dung chính từ các bài phát biểu trên phương tiện đại chúng có nội dung về các vấn đề xã hội.	3	20	25	90	
31	Ngữ pháp tiếng Anh 1	NNTA2512	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hệ thống khối kiến thức ngữ pháp cơ bản trong các chương trình tiếng Anh đã học; Sử dụng thành thạo và tự tin các hiện tượng ngữ pháp cơ bản và nâng cao, đặc biệt là trong nói và viết.	3	15	30	90	
32	Ngữ pháp tiếng Anh 2	NNTA2513	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các hiện tượng ngữ pháp thường sử dụng; lý giải các hiện tượng ngữ	3	21	24	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			pháp trong các câu văn. Hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ pháp tiếng Anh, kích lệ khả năng sáng tạo và nghiên cứu trong tiếng Anh của sinh viên thông qua các bài tập tự nghiên cứu đa dạng trong quá trình học.					
33	Ngữ âm – Âm vị học	NNTA2511	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được các cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; chỉ ra các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại. Vận dụng kiến thức để cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình tự tin và hiệu quả hơn	3	20	25	90	
34	Lý thuyết dịch	NNTA2522	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng được một số phương pháp dịch	2	15	15	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thuật khác nhau. Vận dụng được lí thuyết dịch căn bản vào các câu dịch và đoạn văn để có được các bài dịch tương đối hoàn thiện từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Liệt kê được các thể loại dịch văn bản. Biết cách vận dụng các phương pháp biên, phiên dịch.					
35	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	NNTA2520	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể đọc hiểu các bài báo, bài luận về chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh; thảo luận một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh; dịch được một văn bản có độ dài vừa phải về lĩnh vực kinh tế từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	3	14	31	90	
36	Tiếng Anh chuyên ngành	NNTA2516	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên ghi nhớ và sử dụng các thuật ngữ chuyên	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Môi trường		ngành được cung cấp trong khoá học. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ môi trường hay gặp trong văn phong viết báo cáo chuyên ngành; có thể đọc hiểu được các văn bản chuyên ngành và ứng dụng kiến thức được học vào thực tiễn; có khả năng diễn đạt và trao đổi ý kiến thảo luận trong các buổi hội thảo chuyên ngành.					
37	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	NNTA2517	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể sử dụng các thuật ngữ, khái niệm trong du lịch, có kỹ năng và ý thức vận dụng được các cấu trúc tương đối phức tạp vào phiên dịch, biên dịch các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Du lịch. Có thể xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến vấn đề đã học.	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
38	Đất nước học Anh Mỹ	NNTA2518	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các giai đoạn lịch sử của văn học Anh-Mỹ. Nhớ và nêu được tên các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn; phân tích và cảm nhận tác phẩm.	3	25	20	90	
39	Từ vựng học	NNTA2514	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng những kiến thức về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học, từ đó thấy được sự khác biệt giữa nó và các môn học khác về ngôn ngữ. Phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ cũng như mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng. Áp dụng các kiến thức từ vựng học đã học để diễn đạt ý tưởng tốt nhất và hiệu quả nhất trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các tình	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			huông giao tiếp kinh doanh.					
40	Văn học Anh - Mỹ	NNTA2515	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được lịch sử Anh – Mỹ cho từng giai đoạn. Vận dụng các kiến thức về lịch sử xã hội Anh-Mỹ đã học vào việc phân tích và cảm nhận tác phẩm. Thể hiện sự hiểu biết của mình về các tác phẩm và tác giả bằng cách tham gia vào các vở kịch, thảo luận, viết bài luận phân tích.	3	24	21	60	
41	Biên dịch	NNTA2523	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được khái niệm cơ bản trong biên dịch; chuyển đổi tài liệu dạng văn bản từ ngôn ngữ cần biên dịch này sang ngôn ngữ đích, bao gồm: vận dụng cấu trúc câu và các điểm ngữ pháp trong dịch thuật, dịch cụm từ cho đến câu phức hợp, áp dụng đảo ngữ và hình	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thức nhấn mạnh, biên dịch từ một đoạn văn ngắn cho đến cả một bài văn.					
42	Phiên dịch	NNTA2524	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xây dựng kiến thức về các đặc ngữ, thành ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Vận dụng có hiệu quả cấu trúc tiếng Anh và tiếng Việt để dịch nói lưu loát và chính xác; Xử lý tốt áp lực về thời gian; Nghe, hiểu và nhận diện được các giọng đọc khác nhau của người bản ngữ.	3	25	20	90	
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	NNTA2525	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng dịch xuôi và dịch ngược các đoạn văn ngắn (từ 100 đến 250 từ) liên quan đến chuyên ngành hay những văn bản chuyên ngành có độ dài không quá lớn và nội dung không quá phức tạp. Vận dụng những kiến	3	11	34	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thức lý thuyết cơ bản của dịch thuật, các phương pháp dịch thuật và các cấu trúc ngữ pháp vào thực hành dịch. Nhận diện được những điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong các kiểu dịch Anh - Việt, Việt - Anh liên quan đến chuyên ngành.					
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	NNTA2526	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể dịch nói (dịch xuôi) được ở mức độ cơ bản giữa hai ngôn ngữ Anh - Việt, Việt - Anh những chủ đề mang tính chuyên ngành; có khả năng nghe và dịch xuôi hoặc dịch ngược bằng kỹ thuật decoding (giải mã) và paraphrasing (diễn đạt lại theo cách khác).	3	14	31	90	
	<i>Tự chọn</i>			3/18				
45	Tiếng Anh thư tín	NNTA2601	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng các quy định	3	26	19	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Thương mại		quốc tế về trình bày văn bản đối ngoại để trình bày văn bản đối ngoại đúng quy cách; vận dụng các quy định quốc tế về trình bày thư tín thương mại để trình bày thư tín thương mại đúng quy cách; sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp khi soạn thảo các loại văn bản bằng tiếng Anh.					
46	Phân tích diễn ngôn	NNTA2602	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được các phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại. Phân tích thuần thực sự kết dính và mạch lạc của các câu trong một văn bản hay ngôn bản.	3	24	21	90	
47	Ngữ nghĩa học	NNTA2605	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu khái quát được hệ thống ngữ nghĩa tiếng Anh, quan hệ ngữ nghĩa của từ, câu, và phát ngôn. Vận dụng các loại ngữ nghĩa của	3	24	21	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			từ và câu trong văn bản thực tế. Sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sinh động. Vận dụng được ngôn ngữ một cách hiệu quả trong giao tiếp; nâng cao kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.					
48	Ngữ dụng học	NNTA2606	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích được một số khái niệm cơ bản như: hàm ngôn, hành động lời nói, phân loại hành động lời nói, lịch sự. Viết phiên âm rộng, hẹp của các từ, các phát ngôn ngắn, xác định trọng âm trong phần lớn các từ đa âm tiết, dựa trên các qui luật chính được giới thiệu. Có thể phân tích cấu trúc câu trong tiếng Anh, áp dụng trong viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp. Sử dụng các mối liên hệ ngữ nghĩa để giải thích các từ cơ bản	3	16	29	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			trong tiếng Anh, phân tích hội thoại.					
49	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA2603	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng tra cứu. Phân tích mối liên quan chặt chẽ biện chứng giữa văn hóa và ngôn ngữ, nghiên cứu các biểu hiện của văn hóa trong ngôn ngữ.	3	16	29	90	
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	NNTA2604	Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thuyết trình một chủ đề văn hóa có liên quan đến hai quốc gia Anh-Mỹ; Đọc hiểu những tài liệu bằng tiếng Anh về văn hóa của Anh và Mỹ; trình bày nét cơ bản về lịch sử, đất nước, con người, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật của hai nước Anh và Mỹ.	3	15	30	90	
II.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			12				
51	Thực tập tốt nghiệp	NNTA2701	Quá trình thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng	6				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; tăng cường khả năng tiếp cận thực tế cho sinh viên.					
52	Khóa luận tốt nghiệp	NNTA2702	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được giải pháp, kiến nghị phù hợp. Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về ngôn ngữ Anh. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.	6				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
II.4	<i>Các môn thi thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>							
53	Phiên dịch + Biên dịch			3				
54	Ngữ pháp + Ngữ Âm			3				
Tổng số tín chỉ phải tích lũy				133/ 166				

STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA																											
				Kiến thức											Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
				KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KT8	KT9	KT10	KT11	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	KN12	KN13	NN1	NN2	NN3	NN4
14	NNTT 2101	Tiếng Trung 3	3	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học		2																												
15	CTKH 2151	Tin học đại cương	2	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-
I.5	GDTC	Giáo dục thể chất	5																												
I.6	GDQP	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8																												
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																														
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		10																												
II.1.1	Bắt buộc		8																												
16	NNTA 2301	Tiếng Việt thực hành	3	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x
17	NNTA 2302	Dẫn luận ngôn ngữ	2	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	
18	NNTA 2303	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	

STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA																														
				Kiến thức											Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm								
				KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KT8	KT9	KT10	KT11	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	KN12	KN13	NN1	NN2	NN3	NN4	NN5	NN6	
28	NNTA 2508	Đọc-Viết 4	4	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	
29	NNTA 2509	Nghe-Nói 5	3	-	-	x	x	-	-	x	-	-	-	-	-	x	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	x	-	-	
30	NNTA 2510	Đọc-Viết 5	3	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	x	-	-	
31	NNTA 2512	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	
32	NNTA 2513	Ngữ pháp tiếng Anh 2	3	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	
33	NNTA 128	Ngữ âm – Âm vị học	3	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	x	-	-	
34	NNTA 2522	Lý thuyết dịch	2	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	x	-	-	-	-	-	
35	NNTA 2520	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-	-	-	
36	NNTA 2516	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	3	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-	-	-	
37	NNTA 2517	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	x	-	-

STT	Mã học phần	HỌC PHẦN	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA																												
				Kiến thức											Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
				KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KT8	KT9	KT10	KT11	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	KN12	KN13	NN1	NN2	NN3	NN4	NN5
38	NNTA 2518	Đất nước học Anh Mỹ	3	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-
39	NNTA 2514	Từ vựng học	3	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-
40	NNTA 2515	Văn học Anh - Mỹ	3	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-
41	NNTA 2523	Biên dịch	3	-	-	x	x	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-
42	NNTA 2524	Phiên dịch	3	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-
43	NNTA 2525	Thực hành biên dịch chuyên ngành	3	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	x	-	-	-	-	-	x	-	x	-	-	x	-	x	x	-	x	-	x
44	NNTA 2526	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	3	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-
	Tự chọn		3/18																													
45	NNTA 139	Tiếng Anh thư tín Thương mại	3	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	x	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	-	x	-	-

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31										
I.1	Lý luận chính trị		11										
1	Triết học Mác-Lênin	LCML2101	3	3									
2	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	LCML2102	2		2								
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	2			2							
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	2			2							
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105	2				2						
I.2	Khoa học xã hội		9										
I.2.1	Bắt buộc		7										
6	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2			2							
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NNTA2106	3				3						
8	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2									
I.2.2	Tự chọn		2										
9	Phương pháp thuyết trình	NNTA2201	2				2						
10	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	NNTA2202	2				2						

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
11	Kỹ năng tư duy phản biện	NNTA2203	2				2						
I.3	<i>Ngoại ngữ</i>		9										
12	Tiếng Trung 1	NNTT 2101	3	3									
13	Tiếng Trung 2	NNTT 2102	3		3								
14	Tiếng Trung 3	NNTT 2103	3			3							
I.4	<i>Khoa học tự nhiên – Tin học</i>		2										
15	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2									
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90										
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		10										
II.1.1	<i>Bắt buộc</i>		8										
16	Tiếng Việt thực hành	NNTA2301	3	3									
17	Dẫn luận ngôn ngữ	NNTA2302	2					2					
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA2303	3				3						
II.1.2	<i>Tự chọn</i>		2										
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCML2208	2		2								
20	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA2401	2		2								
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>		80										

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
II.2.1	<i>Bắt buộc</i>		77										
21	Đọc - Viết 1	NNTA2501	3	3									
22	Nghe – Nói 1	NNTA2502	3	3									
23	Đọc - Viết 2	NNTA2503	4		4								
24	Nghe – Nói 2	NNTA2504	4		4								
25	Đọc - Viết 3	NNTA2505	4			4							
26	Nghe – Nói 3	NNTA2506	4			4							
27	Đọc - Viết 4	NNTA2507	4				4						
28	Nghe – Nói 4	NNTA2508	4				4						
29	Đọc - Viết 5	NNTA2509	3					3					
30	Nghe – Nói 5	NNTA2510	3					3					
31	Ngữ pháp tiếng Anh 1	NNTA2512	3		3								
32	Ngữ pháp tiếng Anh 2	NNTA2513	3						3				
33	Ngữ âm – Âm vị học	NNTA2511	3						3				
34	Lý thuyết dịch	NNTA2522	2					2					
35	Tiếng Anh kinh tế	NNTA2520	3						3				
36	Tiếng Anh Môi trường	NNTA2516	3								3		
37	Tiếng Anh Du lịch	NNTA2517	3								3		

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
38	Đất nước học Anh Mỹ	NNTA2518	3					3			
39	Từ vựng học	NNTA2514	3							3	
40	Văn học Anh - Mỹ	NNTA2515	3						3		
41	Biên dịch	NNTA2523	3					3			
42	Phiên dịch	NNTA2524	3						3		
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	NNTA2525	3							3	
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	NNTA2526	3							3	
II.2.2	<i>Tự chọn</i>		3								
45	Tiếng Anh thư tín thương	NNTA2601	3						3		
46	Phân tích diễn ngôn	NNTA2602	3						3		
47	Ngữ nghĩa học	NNTA2605	3						3		
48	Ngữ dụng học	NNTA2606	3						3		
49	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA2603	3						3		
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	NNTA2604	3						3		
III.	Kiến thức thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp		12								
51	Thực tập tốt nghiệp	NNTA2701	6								6
52	Khóa luận tốt nghiệp	NNTA2702	6								6

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	Các môn thi thay thế khóa luận tốt nghiệp												
53	Phiên dịch + Biên dịch		3										
54	Ngữ Pháp + Ngữ Âm		3										
Tổng số tín chỉ phải tích lũy (**)			133	19	18	17	18	16	33	15	12		

4.5. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1) Triết học Mác-Lê nin

3 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.

2) Kinh tế Chính trị Mác-Lênin

2 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên trình bày và phân tích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.

3) Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

4) Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

5) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

2 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

6) Tiếng Trung 1

3 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung để đọc một đoạn văn bản ngắn từ 80-100 từ.. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng trung và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung. Sử dụng các kiến thức đã học vào thực tế, giao tiếp với người nước ngoài bằng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

7) Tiếng Trung 2

3 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội, thế giới ví dụ: kinh doanh, du lịch, thời trang, nghệ thuật, điện ảnh, giải trí...Đặc biệt sinh viên phải nắm chắc các thì và các thức của động từ để sử dụng linh hoạt trong ngôn ngữ giao tiếp của mình. Có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung ở trình độ sơ cấp.

8) Tiếng Trung 3

3 TC

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội. Đặc biệt các kiến thức ngữ pháp về câu đơn, câu ghép và các thức, thì trong tiếng Trung ở mức độ cao hơn và phức tạp hơn. Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó bằng văn bản nói hay viết..

9) Kỹ năng tư duy phản biện

2 TC

- Tư duy phản biện là đặc điểm của tư duy bậc cao, nó là điều kiện cần thiết cho sự thành công của bất kỳ người lao động làm việc trong bất kỳ ngành nghề nào, cấp độ nào.

- Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

- Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

10) Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

3 TC

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về nghiên cứu khoa học và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 7 chương bao quát như sau:

Chương 1 Đại cương về nghiên cứu khoa học

Chương 2 Vấn đề khoa học

Chương 3 Giả thuyết khoa học

Chương 4 Cơ sở lý luận của đề tài

Chương 5 Phương pháp thu thập thông tin

Chương 6 Các hình thức công bố kết quả nghiên cứu

Chương 7: Luận văn khoa học

Chương 8: Trình bày và thuyết trình luận văn khoa học

11) Kỹ năng phiên dịch

2 TC

Học phần Kỹ năng phiên dịch giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của của việc rèn luyện và hình thành được các kỹ năng thiết yếu của công việc phiên dịch, đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết và rèn luyện các kỹ năng cần thiết của công việc phiên dịch.

- Giới thiệu về các hình thức phiên dịch phổ biến là phiên dịch hội nghị, phiên dịch cabin, phiên dịch tháp tùng và phiên dịch duỗi. Học phần sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết tổng thể về công việc phiên dịch nói chung và từng loại hình phiên dịch nói riêng. Bên cạnh đó, học phần cũng sẽ đi sâu vào từng kỹ năng cụ thể đối với

nghe phiên dịch để giúp người học có được những hiểu biết và những rèn luyện bước đầu.

12) Tin học đại cương **2 TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.

- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.

- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

13) Phương pháp thuyết trình **2 TC**

Môn học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và giao tiếp của sinh viên trong chuyên môn và trong công tác mà mình đảm nhận. Môn học gồm 6 chương học (units) giúp sinh viên phát triển và rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, cụ thể:

- Các bước tiến hành một bài thuyết trình;

- Các kỹ thuật (techniques) trong thuyết trình;

- Ngôn ngữ sử dụng trong thuyết trình;

- Sử dụng ngôn ngữ hình thể (body language) khi thuyết trình;

- Cách đặt và trả lời các câu hỏi thảo luận.

14) Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh **2 TC**

Môn học Kỹ năng trả lời phỏng vấn cung cấp cho người học những kiến thức, thủ thuật và kỹ năng giao tiếp. Các nội dung chính trong môn học bao gồm:

- How to get the first impression

- How to deal with difficult questions

- Some pointers on body language and interview techniques

- Fillers and unprepared questions

- Making role plays

15) Tiếng Việt thực hành **3 TC**

Môn học này có những nội dung chính sau:

- Những hiểu biết cần thiết về lịch sử tiếng Việt, đặc điểm tiếng Việt;

- Kiến thức và kỹ năng về sử dụng chính âm, chính tả;

- Kiến thức và kỹ năng về dùng từ, đặt câu;

- Kiến thức và kỹ năng về việc tạo lập và tiếp nhận văn bản;

- Kiến thức và kỹ năng về viết tiểu luận, luận văn khoa học;

- Kiến thức và kỹ năng về thuyết trình

16) Dẫn luận ngôn ngữ Anh **2 TC**

Dẫn luận ngôn ngữ Anh là môn học được giới thiệu vào học kỳ 5 hoặc 6, khi sinh viên đã có năng lực tiếng Anh cơ bản. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm học, hình thái học, ngữ pháp học, và ngữ nghĩa học (từ vựng) một cách sơ bộ

và hệ thống. Những kiến thức này giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh được chính xác về mặt ngôn ngữ, từ phát âm đến sử dụng từ và cấu trúc câu.

17) Ngôn ngữ học đối chiếu

3 TC

Ngôn ngữ học đối chiếu có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa. Việc tiếp cận các sự kiện ngôn ngữ bao giờ cũng liên đới với các sự kiện văn hóa của ngôn ngữ tương ứng, liên đới chứ không đồng nhất, không lẫn lộn, ngay cả trường hợp ngôn ngữ được xem như một sự kiện văn hóa.

Vốn bản thân sự tồn tại của ngôn ngữ ở dạng tĩnh (hệ thống cấu trúc) hay dạng động (hành vi ngôn ngữ trong hành chức, trong hoạt động) bao giờ cũng bị chế định bởi thuộc tính ngôn ngữ và văn hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện cái giống và cái khác phải từ các sự kiện ngôn ngữ mà xét rồi mới nói đến văn hóa như là hệ quả, nguyên nhân. Không nên sa đà vào hiện tượng không xác định để bình tán mà phải bám vào đặc điểm ngôn ngữ thuộc ngữ hệ, loại hình xác định để thấy rõ cấu tạo cũng như hoạt động của chúng.

Việc nghiên cứu có tính xuyên ngữ, xuyên cấp độ nhưng bao giờ cũng phải bắt đầu từ cấp độ, phạm trù, bình diện, hành vi ngôn ngữ xác định để đối chiếu thì kết quả mới xác đáng và có giá trị lý luận, ứng dụng thiết thực.

18) Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

19) Văn hóa các nước ASEAN

2 TC

- Chương trình được xây dựng cho sinh viên ngành Ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh du lịch, sư phạm tiếng Anh. Được bố trí học vào học kỳ I(Sư phạm tiếng Anh) và học kỳ VI(tiếng Anh Du lịch) sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành khi sinh viên đã đạt trình độ ngoại ngữ B1 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn chung Châu Âu. Chương trình được dạy bằng tiếng Anh để vừa củng cố, phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh của học sinh vừa bổ sung những kiến thức cơ sở về môn học cho học sinh.

- Chương trình được biên soạn theo chủ điểm nhằm giới thiệu khái quát những nét chính về đất nước, con người và văn hóa của các nước ASEAN. Sinh viên sẽ làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo phương thức các bài tập tự xây dựng (project-based approach). Mỗi nhóm làm một dự án, tự nghiên cứu, từng bước phát triển kiến thức, tạo kỹ năng và thái độ hợp tác trong nhiều thể loại như thảo luận, báo cáo, thuyết trình, nhận

xét... Sinh viên sẽ được đánh giá kết quả môn học dựa trên kết quả nghiên cứu và khả năng thể hiện kiến thức qua hình thức thuyết trình hoặc viết báo cáo.

20) Kỹ năng Đọc - Viết 1

3 TC

Học phần Kỹ năng Đọc – Viết 1 (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh, như gia đình, công việc, địa điểm, du lịch, mua sắm, giải trí, thể thao, môi trường, học tập

- Unit 1: Shopping
- Unit 2: Food and drinks
- Unit 3: Animals
- Unit 4: Theme park fun
- Unit 5: Clothes
- Unit 6: Entertainment
- Unit 7: Travel
- Unit 8: Famous places and buildings
- Unit 9: Living for sport
- Unit 10: Books and studying

21) Kỹ năng Nghe - Nói 1

3 TC

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 1 (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh, như gia đình, công việc, địa điểm, du lịch, mua sắm, giải trí, thể thao, môi trường, học tập.

22) Kỹ năng Đọc - Viết 2

4 TC

Học phần Kỹ năng Đọc – Viết 2 (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh

23) Kỹ năng Nghe - Nói 2

4 TC

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 2 (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói). Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ đơn giản với những chủ điểm tương đối rộng như thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, học tập, công việc giao tiếp tương đối thành thạo bằng tiếng Anh.

24) Kỹ năng Đọc - Viết 3

4 TC

Học phần bao gồm 8 bài đ–ược dạy trong 32 tiết, 2 bài ôn tập, 2 bài kiểm tra trên lớp. Sinh viên sẽ có một bài thi tích hợp kỹ năng Đọc-Viết cuối học phần.

Trong học phần này sinh viên đ–ược học cách tìm ra ý chính của đoạn văn, có thể viết các loại văn bản khác nhau như CV, thư mời, quảng cáo, thông báo... từ các chủ đề như: Thể thao, Du lịch, Động vật, Thói quen ăn uống, Chế độ ăn...

25) Kỹ năng Nghe - Nói 3

4 TC

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 3 (tương đ–ương trình độ B1+ và B2- theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2+. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.

26) Kỹ năng Đọc - Viết 4

4 TC

Học phần bao gồm 8 bài đ–ược dạy trong 32 tiết, trong đó có 2 bài ôn tập, 2 bài kiểm tra điểm viết trên lớp. Sinh viên sẽ có 1 bài thi tích hợp kỹ năng Đọc-Viết cuối học phần.

Trong học phần này sinh viên đ–ược học cách tìm ra ý chính của đoạn văn, có thể viết các loại văn bản khác nhau như CV, thư mời, quảng cáo, thông báo... từ các chủ đề như: Thể thao, Du lịch, Động vật, Thói quen ăn uống, Chế độ ăn...

27) Kỹ năng Nghe - Nói 4

4 TC

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 4 (tương đ–ương trình độ B1+ và B2- theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2+. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.

28) Kỹ năng Đọc - Viết 5

3 TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), chủ yếu tập trung vào các kỹ năng đọc hiểu và viết các loại bài luận ở trình độ cao cấp với những chủ điểm: mua sắm với sức khỏe, đọc sách và kỹ năng đọc sách, du lịch, học ngoại ngữ, nghiên cứu, công việc, du lịch, giải trí.

Học phần giúp sinh viên luyện tập các kỹ năng đọc hiểu như đoán dựa trên tiêu đề, chủ đề, xác định từ khóa để hiểu ý chính, hàm ý, các chi tiết trong các đoạn văn, các báo cáo, các bài báo trên tạp chí ... Bên cạnh việc đọc phân tích học phần giúp sinh viên

diễn đạt ý kiến qua các bài luận, phát triển ý tưởng theo cách đưa ý kiến tranh luận, bình luận, so sánh, đối chứng.

29) Kỹ năng Nghe - Nói 5

3 TC

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 5 (tương đương trình độ B2 cao- theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 4 thấp. Chương trình này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) ở trình độ cao cấp.

30) Ngữ âm học và Âm vị học Tiếng Anh

3 TC

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về ngữ âm học và âm vị học tiếng anh, bao gồm các nội dung về phụ âm và nguyên âm (consonants/vowels), nguyên âm đôi và nguyên âm ba (diphthongs/triphthongs); âm vị (phonemes); các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/tone, một số quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu, các bài tập thực hành đi kèm

31) Ngữ pháp Tiếng Anh 1

3 TC

Nội dung cơ bản của môn Ngữ pháp 1 gồm:

- Câu điều kiện if-sentence; câu mong ước wish-sentence
- Câu điều kiện giản lược; câu so sánh as if/ as though
- Mệnh đề quan hệ hạn định, không hạn định
- Mệnh đề quan hệ giản lược
- Thê bị động, chủ động
- Thức giả định hiện tại, quá khứ
- Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ
- Đảo ngữ
- Trực tiếp, gián tiếp
- Tính từ và trạng từ
- Giới từ

32) Ngữ pháp Tiếng Anh 2

3 TC

Trong phạm vi cho phép về thời gian, môn học sẽ tập trung vào các vấn đề cơ bản bao gồm từ - cụm từ và bộ tổ của từ (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ...), chức năng cú pháp và chức năng ngữ nghĩa của từ, mệnh đề và các thành phần của mệnh đề, các chức năng ngữ nghĩa của mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép.

33) Giao thoa Văn hóa Anh – Mỹ

3 TC

Nội dung cơ bản của môn Giao thoa Văn hóa Anh – Mỹ gồm:

Part I: The UK

Unit 1: The United Kingdom Today

Unit 2: Political life: How the UK is governed

Unit 3: History

Unit 4: Education

Unit 5: Money and Work

Unit 6: The media and communication

Unit 7: The 21st century Britain

Part 2: The USA

Unit 8: An Introduction to The USA

Unit 9: A diverse nation

Unit 10: The struggle for equality

Unit 11: American values

34) Văn học Anh – Mỹ

3 TC

Học phần bao gồm 08 bài được dạy trong 45 tiết, trong đó có 6 tiết ôn tập kiến thức và kiểm tra.

Trong học phần này sinh viên sẽ được tìm hiểu về lịch sử văn học Anh – Mỹ, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn.

35) Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường

3 TC

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về chương trình, nội dung của môn học, nội dung học phần được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao quát những nội dung cơ bản về chuyên ngành môi trường như: khoa học môi trường, tài nguyên năng lượng, ô nhiễm môi trường, tái chế và phát triển bền vững.

36) Tiếng Anh Du lịch

3 TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên gồm những vấn đề sau:

- Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch
- Cơ cấu hoạt động của ngành du lịch
- Cách thiết kế và tổ chức tour du lịch
- Các vấn đề liên quan đến vé, đặt chỗ trước và bảo hiểm
- Công tác hướng dẫn du lịch

37) Đất nước học Anh Mỹ

3 TC

Đây là một môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa đặc trưng của Anh quốc và hợp chủng hoa kỳ. Môn học bao gồm giới thiệu về đất nước, lịch sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội..... làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Anh- Mỹ một cách hệ thống và có hiệu quả và nắm vững kiến thức tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn.

38) Ngữ dụng học tiếng Anh

3 TC

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học bao gồm các nội dung chính như hàm ngôn, nguyên tắc dụng học, hành động lời nói, tính lịch sự. Những kiến thức này giúp sinh viên hiểu và sử dụng tiếng Anh được phù hợp về mặt ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp.

39) Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế**3 TC**

Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế học (English for Economics) là môn học cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh về Kinh tế học. Trong đó, đề cập tới kinh tế học trên bình diện rộng. Kinh tế học có hai bộ phận cấu thành hữu cơ là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô.

40) Phân tích diễn ngôn**3 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại. Học phần bao gồm 04 bài được dạy trong 45 tiết, trong đó có 5 tiết ôn tập kiến thức và kiểm tra..

41) Lý thuyết Dịch**2 TC**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết biên dịch, phiên dịch. Qua đó, tìm hiểu thêm về quá trình, phương pháp và kỹ năng biên dịch, phiên dịch. Sau môn học này, sinh viên biết vận dụng các vấn đề lý thuyết đã học để thực hành dịch một cách hiệu quả.

42) Biên dịch 1**3 TC**

Khoá học cung cấp cho sinh viên những điều căn bản nhất của kỹ năng dịch. Học phần này được thiết kế như phần nhập môn về lịch sử, lý thuyết và thực hành dịch thuật từ Việt sang Anh và từ Anh sang Việt, gồm 5 chương lý thuyết và các phần thực hành tương ứng.

43) Phiên dịch 1**3 TC**

Học phần Phiên dịch Anh – Việt 1 được thực hiện với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính xác nội dung. Các bài học còn được thiết kế nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen ghi nhớ, ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.

44) Thực hành biên dịch chuyên ngành**3 TC**

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về các kỹ thuật và phương pháp dịch, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao quát những nội dung cơ bản về các chuyên ngành chính như: môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn, và trắc địa bản đồ.

45) Thực hành phiên dịch chuyên ngành**3 TC**

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về các kỹ thuật và phương pháp dịch nói, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao gồm các bản tin, bài phát biểu trên truyền hình hay các bài giảng liên quan đến các chuyên ngành như: môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.

46) Tiếng Anh Thư tín thương mại**3 TC**

Học phần giới thiệu các hệ thống quy chuẩn quốc gia và quy định quốc tế về thể

thức trình bày và soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong công việc đối ngoại của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bằng tiếng Anh.

Trong quá trình học, sinh viên tìm hiểu và vận dụng các hệ thống này để soạn thảo các loại văn bản phục vụ cho nhiều mục đích giao tiếp trong môi trường làm việc.

Sinh viên cũng học và thực hành các kỹ năng viết các loại văn bản khác nhau.

Ngoài ra, sinh viên cũng rèn luyện thể hiện những thái độ giao tiếp khác nhau thông qua văn bản để phù hợp với các tình huống giao tiếp trong công việc.

47) Từ vựng học tiếng Anh

3 TC

Từ vựng học là môn học không thể thiếu trong ngôn ngữ học tiếng Anh. Từ vựng học tiếng Anh là một học phần của Ngôn ngữ học tiếng Anh dành cho sinh viên của Bộ môn ngôn ngữ Anh. Môn học giới thiệu về từ vựng học này sẽ đi từ lý thuyết đến thực hành, với mục tiêu chính là giúp sinh viên hiểu được khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong từ điển. Sinh viên cũng hiểu được bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghpa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng ...

Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng áp dụng vào việc phân tích nghpa, từ đó thúc đẩy quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong kinh doanh. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.

48) Giao tiếp liên văn hóa

3 TC

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến những nguyên tắc chi phối việc giao tiếp giữa những người tham gia giao tiếp từ các nền văn hóa khác nhau. Thông qua đó, người học nhận thức được sự khác biệt trong hành vi là do hệ đức tin và giá trị chi phối. Từ đó người học có cái nhìn đúng đắn hơn về hành vi của những người tham gia giao tiếp và đây cũng chính là nền tảng để giúp giao tiếp với những người từ những nền văn hóa khác nhau hiệu quả hơn.

49) Ngữ nghĩa học

3 TC

Môn học này trang bị cho sinh viên những kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như mối quan hệ giữa từ và ý nghĩa của từ, giữa câu và ý nghĩa của câu. Ngoài ra, còn cung cấp những kiến thức về ngữ nghĩa của ngôn ngữ Anh với các cách sử dụng ngôn ngữ đa dạng.

50) Kỹ năng mềm

Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng như kỹ năng giao tiếp bằng cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để đạt hiệu quả cao. Các kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết các xung đột... . Đồng thời học phần

này còn trang bị cho sinh viên cách thức kỹ năng trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.

51) Thực tập tốt nghiệp

Học phần này cung cấp cho sinh viên khả năng rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; Tăng cường khả năng tiếp cận thực tế cho sinh viên. Quá trình học tập tại trường sinh viên chỉ mới nắm được phần lý luận, lý thuyết chưa có kinh nghiệm thực

tế, vì vậy mà khi tiếp cận với thực tiễn sinh viên cần phải chủ động tư duy giữa lý thuyết và thực tế. Trên cơ sở đó nâng cao kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

52) Khóa luận tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp là 1 đề tài chuyên khảo tổng hợp của sinh viên sau khi kết thúc toàn bộ chương trình đào tạo ở bậc đại học để bảo vệ lấy văn bằng cử nhân.

Khoá luận tốt nghiệp nhằm các mục đích cơ bản như rèn luyện phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên; tổng hợp và thể nghiệm kết quả của một giai đoạn hoặc một quá trình học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học. Nội dung của khóa luận tốt nghiệp đề cập đến các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo chính, nghĩa là đề tài được chọn để viết khóa luận tốt nghiệp cần phải phù hợp với chuyên ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh mà sinh viên đã học.

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)	
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854	
				Màn chiếu	107			
				Bảng chống loá	154			
				Bàn giáo viên	154			
				Bàn học sinh	3.650			

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Phòng máy tính (P.705)			Máy vi tính DELL	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy	
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2014		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2014		
				Khóa cứng cho quản lý toàn bộ hệ thống USB Suntech Dongle for Control System	1	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy	
				Khối xử lý dữ liệu âm thanh cho giáo viên và học viên Suntech External Audio Card for	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy	

Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy									
TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m2)	Ghi chú
				Teacher and Student. Version 2.0. Connect with PC via USB cable					
				Tổ hợp tai nghe và Microphone chuyên dụng cho giáo viên và học viên Suntech Professional Multimedia Headset – ST203	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
				Bộ chuyển mạch Planet 24-Port 10/100/1000Mbps Gigabit Ethernet Switch	2	2014			
				Giáo trình điện tử LANGMASTER ENGLISH	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
				Phần mềm diệt Virus có bản quyền	41	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy		
2	Phòng máy (P.706)	1	103	Máy vi tính DELL	41	2014			
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2014	- Tin học đại cương và Các học phần thực hành trên máy	103	

Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy									
TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m2)	Ghi chú
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2014			
				Khóa cứng cho quản lý toàn bộ hệ thống USB Suntech Dongle for Control System	1	2014			
				Khối xử lý dữ liệu âm thanh cho giáo viên và học viên Suntech External Audio Card for Teacher and Student. Version 2.0. Connect with PC via USB cable	41	2014			
				Tổ hợp tai nghe và Microphone chuyên dụng cho giáo viên và học viên Suntech Professional Multimedia Headset – ST203	41	2014	Các học phần thực hành trên máy		
				Bộ chuyển mạch Planet 24-Port 10/100/1000Mbps Gigabit Ethernet Switch	2	2014			
				Giáo trình điện tử LANGMASTER ENGLISH	41	2014	Các học phần thực hành trên máy		
				Phần mềm Virus có bản quyền	41	2014			

Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy									
TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)	Ghi chú
3	Phòng máy (P.806)	1	103	Máy vi tính DELL	57	2016	Các học phần thực hành trên máy	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016			
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016			

c. Thông tin Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 700 m² trong đó diện tích phòng đọc: 430 m²

Số chỗ ngồi: 300

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 59 máy

Phần mềm quản lý thư viện: iLibme 6.0

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược...

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình điện tử của trường: 8.814 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> trình độ đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , dành cho bậc đại học khối không chuyên lý luận chính

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		trị.(theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị. (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).
6	Kỹ năng mềm	1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014). <i>Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i> . NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh. 2. Lại Thế Luyện (2014). <i>Kỹ năng tìm việc làm</i> . NXB Thời đại. 3. Dương Thị Liễu (2013). <i>Kỹ năng thuyết trình</i> . NXB Kinh tế quốc dân.
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	1. TRUNG NGUYỄN. 2005. <i>Phương Pháp Luận Nghiên Cứu (Cẩm nang hướng dẫn từng bước dành cho người bắt đầu)</i> . Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. Hà Nội. 2. VŨ CAO ĐÀM. 2003. <i>Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học</i> (xuất bản lần thứ IX). Nhà xuất bản KH & KT. Hà Nội.
8	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận về Nhà nước và Pháp luật</i> ; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. Vũ Quang (2015), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i> , NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
9	Phương pháp thuyết trình	Grussendorf, M. (2007). <i>English for presentations</i> . Oxford: OUP.
10	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	TJ TayLor, <i>English for Job interviews</i> , http://blog.tjtaylor.net/content/uploads..
11	Kỹ năng tư duy phản biện	1. Roy van den Brink – Budgen, <i>Critical thinking for Students</i> , 3rd edition, Howtobook, United Kingdom 2006. 2. Brooke Noel Moore & Richard Parker, <i>Critical Thinking</i> , 8 th edition, Mc.Graw Hill, New York 2007. 3. Đỗ Kiên Trung, <i>Lịch sử tư duy phản biện</i> (Tập bài giảng).
12	Tiếng Trung 1	1. 杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 (第一册, 上), 北京语言大学出版社,北京. 2. Dương Ký Châu, <i>Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển thượng)</i> , Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.
13	Tiếng Trung 2	1. 杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 (第一册, 下), 北京语言大学出版社,北京. 2. Dương Ký Châu, <i>Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển hạ)</i> , Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
14	Tiếng Trung 3	<p>1. 杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 (第二册·上), 北京语言大学出版社,北京.</p> <p>2. Dương Ký Châu, Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 2, quyển thượng), Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.</p>
15	Tin học đại cương	<p>1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, <i>Giáo trình nhập môn tin học</i>, NXB Nông nghiệp.</p> <p>2. <i>Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010</i> (2012), NXB Văn hóa Thông tin.</p> <p>3. <i>Tự học Word 2010</i> (2011), NXB Hồng Bàng.</p>
16	Tiếng Việt thực hành	<p>1. Bùi Minh Toán (2012). <i>Tiếng Việt thực hành</i>. Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Hoàng Thị Lan (chủ biên) Lê Kim Cúc, Nguyễn Thị Bạch Dương (2017). <i>Rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Việt</i>. NXBGD Việt Nam</p>
17	Dẫn luận ngôn ngữ	Fromkin, V., Rodman, R., & Hyams, N. (2011). <i>An introduction to language</i> (9th ed.). Wadsworth, OH: Cengage Learning.
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	<p>1. Lê Quang Thiêm. (1989, 2004). <i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ</i>, NXB ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>2. Lôbe Radô. (2004). <i>Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa</i>, Hoàng Văn Vân dịch, NXB ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>3. Bùi Mạnh Hùng. (2008). <i>Ngôn ngữ học đối chiếu</i>, NXB Giáo dục.</p>
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>1. Trần Ngọc Thêm (1999), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội</p> <p>2. Huỳnh Công Bá (2008), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i>, Nxb. Thuận Hóa</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
20	Văn hóa các nước ASEAN	Nguyễn Thành Long. (2017). Tài liệu giảng dạy học phần Văn hóa các nước ASEAN dành cho sinh viên chuyên Anh. Đại học Hạ Long.
21	Đọc - Viết 1	1. Arline Burgmeier & Cheryl Boyd Zimmerman (2009), <i>Inside Reading – The Academic Wordlist in Context</i> , Oxford University Press 2. Alice Savage & Masoud Shafiei (2008), <i>Effective Academic Writing 1: The Paragraph answer key</i> , Oxford University Press.
22	Nghe – Nói 1	Sally Logan and Craig Thaine (2008), <i>Real Listening and Speaking 2</i> , Cambridge University Press.
23	Đọc - Viết 2	1. Osborn, A. (2013). <i>English for life: Reading – B1+ Intermediate</i> . HCM City, VN: Nhan Tri Viet. 2. Campbell-Howes, K., & Dignall, C. (2013). <i>English for life: Writing – B1+ Intermediate</i> . HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
24	Nghe – Nói 2	Brook-Hart, G., Jakeman, V., & Jay, D. (2012). <i>Complete IELTS Bands 4-5</i> . UK: Cambridge University Press.
25	Đọc - Viết 3	Black, M. & Sharp, W. (2006). <i>Cambridge Objective IELTS Intermediate</i> . Cambridge, UK: Cambridge University Press.
26	Nghe – Nói 3	Black, M. & Sharp, W. (2006). <i>Cambridge Objective IELTS Intermediate</i> . Cambridge, UK: Cambridge University Press
27	Đọc - Viết 4	Black, M. & Capel, A. (2006). <i>Cambridge Objective IELTS Advanced</i> . Cambridge, UK: Cambridge University Press.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
28	Nghe – Nói 4	Black, M. & Capel, A. (2006). <i>Cambridge Objective IELTS Advanced</i> . Cambridge, UK: Cambridge University Press.
29	Đọc - Viết 5	Black, M., & Capel, A. (2006). <i>Advanced Objective IELTS</i> . Cambridge, UK: Cambridge University Press.
30	Nghe – Nói 5	Black, M., & Capel, A. (2006). <i>Advanced Objective IELTS</i> . Cambridge, UK: Cambridge University Press.
31	Ngữ pháp tiếng Anh 1	1. Advanced Grammar in Use. Martin Hewings. Cambridge University Press. 2. Understanding and Using English Grammar. B. S. Azar & D. A. Azar. Prentice Hall Regents.
32	Ngữ pháp tiếng Anh 2	Quirk R. and Greenbaum S. 1987. <i>A University Grammar of English</i> , London: Longman.
33	Ngữ âm – Âm vị học	Ladefoged, P. & Johnson, K. (2011). <i>A course in Phonetics</i> (6th ed.). Wadsworth, OH: Cengage Learning
34	Lý thuyết dịch	Bui, T.B., & Dang, X.T. (2000). <i>Lý thuyết dịch- Interpreting and Translation Coursebook</i> . Hanoi University.
35	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	1. Mankiw, N.G. (2016). <i>Principles of macroeconomics</i> . Cengage Learning. 2. McTaggart, D., Findley, C., & Parkin, M. (1996). <i>Economics</i> . Addison.
36	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	1. Richard Lee (2009), <i>English for environmental science</i> , Garnet Publishing Ltd. 2. Tài liệu bồi dưỡng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2015, Thư viện trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
37	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Robin Walker (2009) <i>Oxford English for Careers Tourism</i> - Course book, Oxford University Press. 2. Iwona Dubicke, Margaret O'keeffe (2013) <i>English for International Tourism</i>, Pearson Longman. 3. Nguyễn Quang (2015) <i>Giáo trình tiếng Anh du lịch</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
38	Đất nước học Anh Mỹ	<ol style="list-style-type: none"> 1. James O'Driscoll (2009), <i>Britain for Learners of English</i>, Oxford. 2. Paul George Meyer (2006) <i>English American Studies in German</i>.
39	Từ vựng học	Jackson, H. & Amvela, E.Z. (2007). <i>Words, meaning and vocabulary :an introduction to modern English lexicology</i> . 2nd ed. New York: Continuum.
40	Văn học Anh - Mỹ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Kim Loan, History of English Literature; 2. Lê Văn Sự, History of American Literature;
41	Biên dịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hatim, B & I, Mason (1990). <i>Discourse and the Translator</i>. London/ Newyork. Longman. 2. Nguyễn Đức Châu (2004) Phương pháp mới Phiên dịch Biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh (cuốn 1). Nhà Xuất Bản trẻ. 3. Newmark, P (1988). A textbook of Translation. Prentice Hall International.
42	Phiên dịch	Nguyễn Đức Châu (2004). <i>Phương pháp mới Phiên dịch- Biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh (cuốn 1)</i> . Nhà Xuất bản Trẻ.
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	Tài liệu do giảng viên lựa chọn phù hợp từ các nguồn chính thống như tạp chí, sách, liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		đài, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	Tài liệu giảng dạy bao gồm các bản tin, bài phát biểu và các bài giảng do giảng viên cung cấp liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau.
45	Tiếng Anh thư tín Thương mại	1. Ashley (2008). <i>Oxford Handbook of Commercial Correspondence</i> . Oxford Press. 2. Littlejohn (2005). <i>Company to Company - A task-based approach to business emails, letters and faxes</i> . Cambridge University Press.
46	Phân tích diễn ngôn	Halliday M.A.K (1994). <i>Discourse Analysis</i> . London, Equinox
47	Ngữ nghĩa học	Tô Minh Thanh (2011). <i>Ngữ nghĩa học tiếng Anh</i> . NXB: Đại học Quốc Gia TP HCM.
48	Ngữ dụng học	Yule, G. (1996). <i>Pragmatics</i> . Oxford University Press.
49	Giao tiếp liên văn hóa	Deena R. Levine & Mara B. Adelman (1992). <i>Beyond language: Cross – cultural communication</i> . Prentice Hall Regents.
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	O'Driscoll, J. (2009). <i>Britain for learners of English: Understanding the country and its people (2nd Ed)</i> . Oxford University Press.

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Đặng Đức Chính	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
				ĐH TN & MT HN
2	Tổng Hưng Tâm	Tiến sĩ	Triết học về Ngôn ngữ học	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
3	Triệu Thuỳ Hương	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
4	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
5	Đỗ Mai Quyên	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
6	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
7	Ngô Thị Hà	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
8	Mai Thị Hiền	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
10	Trần Thị Thùy Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
11	Cao Mai Hạnh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
12	Lê Minh Hằng	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
13	Bùi Thị Oanh	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
14	Lưu Thị Bích Phượng	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
15	Nguyễn Thuỳ Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
16	Đào Thị Thuỳ Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
17	Nguyễn Thị Hoa	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN
18	Nguyễn Phú Cường	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
			Anh	
19	Trần Xuân Hào	Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH TN & MT HN

4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG BỘ MÔN

Vũ Danh Tuyên

ThS. Đặng Đức Chính